

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19-4-2019

V/v ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Nguyễn Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, về việc “*ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: số 17 đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* Ông Jin Ru W, sinh năm: 1963; Địa chỉ: số 5 H, thôn H, quận C, thành phố V, tỉnh A, Trung Quốc (vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy T trình bày:

Năm 2010, bà và ông Jin Ru W cùng làm việc tại Công ty TNHH xuất nhập khẩu T nên đã có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau. Đến ngày 31/01/2011 bà và ông Jin Ru W đăng ký kết hôn tại Sở Dân chính tỉnh A, Trung Quốc, số đăng ký kết hôn J340000-2011-0000169. Hôn nhân giữa bà và ông Jin Ru W là hoàn toàn tự

nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Đến đầu tháng 8 năm 2011 Công ty TNHH xuất nhập khẩu T ngừng hoạt động nên vợ chồng bà không có việc làm, cuộc sống vợ chồng ngày càng khó khăn.

Năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do công việc làm ăn, kinh tế gia đình thì khó khăn. Đến năm 2014 do không kiếm được ở Việt Nam nên ông Jin Ru W đã trở về Trung Quốc, vợ chồng sống xa cách nhau. Thời gian đầu ông Jin Ru W còn liên lạc với vợ con nhưng đến năm 2017 thì không liên lạc nữa. Vợ chồng bà đã sống ly thân 4 năm nay và ông Jin Ru W không có trách nhiệm gì đối với vợ con, hiện nay tình cảm của bà đối với ông Jin Ru W không còn nữa. Do đó bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Jin Ru W.

Quá trình chung sống giữa bà và ông Jin Ru W có một con chung tên là Jin Anh H, sinh ngày 06/10/2011. Ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông Jin Ru W cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng bà không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn ông Jin Ru W đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo phương thức tổng đạt, thông báo văn bản cho đương sự nước ngoài theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự. nhưng ông Jin Ru W không có ý kiến trình bày đầy đủ đối với yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Thùy T mà chỉ có xác nhận vào thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gởi cho ông là đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Thùy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Jin Ru W theo đường dịch vụ bưu chính để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ ông Jin Ru W lần thứ hai tại phiên tòa nhưng ông Jin Ru W vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thùy T và ông Jin Ru W đăng ký kết hôn ngày 31/01/2011 tại Cục Dân chính tỉnh A, Trung Quốc. Việc kết hôn giữa bà Huỳnh Thị Thùy T và ông Jin Ru W là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Thùy T và ông Jin Ru W được pháp luật công nhận là hợp pháp.

3] Sau khi kết hôn, bà Huỳnh Thị Thùy T và ông Jin Ru W chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T trình bày, nguyên nhân do công việc

làm ăn, phần thì kinh tế gia đình khó khăn và ông Jin Ru W không có trách nhiệm gì đối với vợ con, vợ chồng không chung sống với nhau đã hơn 4 năm, tình cảm của bà T đối với ông Jin Ru W không còn nữa nên bà T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Jin Ru W. Đối với ông Jin Ru W có ý kiến đồng ý ly hôn với bà T.

[4] HĐXX xét thấy, thực tế bà T và ông Jin Ru W hiện không chung chung sống với nhau đã nhiều năm, cả hai không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống vợ chồng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thùy T đối với ông Jin Ru W.

[5] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thùy T và ông Jin Ru W có một con tên Jin Anh H, sinh ngày 06/10/2011. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông Jin Ru W cấp dưỡng nuôi con; còn ông Jin Ru W không có ý kiến gì về con chung. HĐXX xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay cháu Jin Anh H đang ở với bà T ổn định, cháu đang ở độ tuổi còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu Jin Anh H sau khi cha mẹ ly hôn là muốn được ở với mẹ. Do đó, yêu cầu được nuôi con của bà T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam, vì vậy HĐXX quyết định giao cháu Jin Anh H cho bà Huỳnh Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Jin Anh H đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông Jin Ru W cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thùy T xác định không có và ông Jin Ru W không có ý kiến nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thùy T phải chịu là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con của bà Huỳnh Thị Thùy T đối với ông Jin Ru W.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thùy T được ly hôn với ông Jin Ru W.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Jin Anh H, sinh ngày 06/10/2011 cho bà Huỳnh Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Jin Ru W được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thùy T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 001445 ngày 19/6/2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Huỳnh Thị Thùy T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Thùy T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Jin Ru W vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP ĐN;
- Cục THADS TP ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến